

Bản án số: 36/2022/KDTM-ST  
Ngày: 12/7/2022  
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua  
bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Chinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.
2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST-KDTM ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2022/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

**- Nguyên đơn:**

Công ty TNHH ĐT.

Địa chỉ trụ sở: Khu B3, khu công nghiệp ThĐ, thị trấn BL, huyện BL, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Bà Võ Trần TN, sinh năm 1999 (có mặt).

Địa chỉ: Số 233 Nguyễn Văn L, Phường N, Quận S, TP. Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2022).

**- Bị đơn:**

Công ty TNHH ThS.

Địa chỉ trụ sở: Số 03 đường BH, Phường N, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông Vũ BH, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 364/1A Phan Văn T, Phường C, quận GV, TP. Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2022 của nguyên đơn Công ty TNHH ĐT cùng

*bản tự khai và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền:*

Giữa nguyên đơn Công ty TNHH ĐT (gọi tắt là Công ty ĐT) và bị đơn Công ty TNHH ThS (gọi tắt là Công ty ThS) có ký với nhau “Hợp đồng cung cấp cọc” bê tông số 47/2019/HĐ/BT620 ngày 20/6/2019 để thi công cho công trình Bền thủy nội địa BD II. Giá trị hợp đồng đã ký là: 1.814.392.800 đồng. Tổng giá trị hợp đồng đã thực hiện trên thực tế là 2.244.264.000 đồng. Đã thanh toán 1.844.264.000 đồng. Tạm tính đến ngày 31/12/2021 còn thiếu chưa thanh toán 466.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, lãi phát sinh từ ngày 20/10/2019 đến ngày 31/12/2021 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng là 66.000.000 đồng).

Ngày 17/5/2022, Công ty ThS đã thanh toán thêm cho Công ty ĐT số tiền là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và số tiền lãi chậm thanh toán được các bên thỏa thuận tại khoản 7.1, Điều 7 của hợp đồng tính đến hết ngày 12/7/2022 là 61.397.260 (sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi) đồng. Tổng số tiền còn nợ là 361.397.260 đồng (ba trăm sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi) đồng. Cụ thể được tính như sau:

Số tiền lãi chậm thanh toán = số tiền nợ gốc x lãi suất chậm thanh toán x thời gian chậm thanh toán.

Số tiền nợ gốc là: 300.000.000 đồng.

Lãi suất chậm thanh toán: Lãi suất của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) là 7,5%/năm (tương đương khoảng 0,021%/ngày = 7,5%/năm : 365 ngày).

Thời gian chậm thanh toán: tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán là ngày 20/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/7/2022 là 996 ngày.

Vì vậy, nay Công ty ĐT yêu cầu Công ty ThS trả ngay tổng số tiền là 361.397.260 (ba trăm sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi) đồng cùng tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại khoản 7.1, Điều 7 của hợp đồng được tính tiếp theo của ngày Tòa án xét xử cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền.

Ngoài ra, phía Công ty ĐT không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

*2. Bị đơn Công ty TNHH ThS có ông Vũ BH là người đại diện theo ủy quyền có bản khai và trình bày:*

Xác nhận đôi bên có ký “Hợp đồng cung cấp cọc” bê tông và bị đơn Công ty ThS còn nợ một khoản tiền gốc chưa thanh toán. Sau khi hòa giải tại Tòa án vào ngày 04/3/2022 thì đến ngày 17/5/2022 bị đơn Công ty ThS đã thanh toán thêm cho nguyên đơn Công ty ĐT số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Hiện số nợ gốc còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Nay yêu cầu nguyên đơn Công ty ĐT gửi đầy đủ hồ sơ quyết toán thì bị đơn Công ty ThS sẽ thanh toán tiếp số nợ gốc còn lại, nhưng xin trả dần số nợ trên và không đồng ý trả lãi.

Ngoài ra bị đơn Công ty ThS không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

*3. Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn Công ty ĐT có bà Võ Trần TN đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

- Bị đơn Công ty ThS có ông Vũ BH đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự, trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

#### *[1] Về đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết vụ án*

Công ty ĐT khởi kiện Công ty ThS để yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu trong “Hợp đồng cung cấp cọc” mà đôi bên đã ký hợp đồng với nhau ngày 20/6/2019, nên đây là quan hệ tranh chấp về kinh doanh thương mại còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo như quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự*

Công ty ĐT khởi kiện Công ty ThS để yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu trong “Hợp đồng cung cấp cọc” mà các bên đã ký hợp đồng với nhau, nên Công ty ĐT tham gia tố tụng với tư cách tố tụng là nguyên đơn, Công ty ThS là bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[3] Về ủy quyền tham gia tố tụng*

- Văn bản ủy quyền ngày 03/01/2022 của nguyên đơn Công ty ĐT ủy quyền cho bà Võ Trần TN đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

- Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2022 của bị đơn Công ty ThS ủy quyền cho ông Vũ BH đại diện tham gia tố tụng là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận.

#### *[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty ĐT*

Căn cứ “Hợp đồng cung cấp cọc” bê tông số 47/2019/HĐ/BT620 ngày 20/6/2019 giữa nguyên đơn Công ty ĐT và bị đơn Công ty ThS có cơ sở xác định đôi bên có giao kết hợp đồng với nhau. Tại Tòa các bên đều thừa nhận có ký hợp đồng như trên với nhau, tổng giá trị hợp đồng đã thực hiện trên thực tế là 2.244.264.000 đồng và ngày 20/9/2019 nguyên đơn Công ty ĐT đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn Công ty ThS và bị đơn Công ty ThS thừa nhận thời điểm hiện tại còn thiếu tiền trong hợp đồng trên chưa thanh toán cho nguyên đơn Công ty ĐT là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Xét thấy, bị đơn Công ty ThS đã vi phạm hợp đồng về việc chậm thanh toán tiền mua hàng cho phía nguyên đơn Công ty ĐT là có cơ sở. Tại phiên tòa đại diện bị đơn Công ty ThS xin trả dần số nợ trên và không đồng ý trả lãi nhưng không đưa ra được lý do chính đáng, trong khi đó phía nguyên đơn công ty ĐT cũng không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc bị đơn Công ty ThS chậm thanh toán tiền hàng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Công ty ĐT, nên nguyên đơn Công ty ĐT yêu cầu bị đơn Công ty ThS phải trả ngay số tiền mua hàng còn thiếu cùng tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc còn nợ tính đến thời điểm Tòa án

xét xử và phải tiếp tục trả lãi chậm trả trên số nợ gốc cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất 7,5%/năm. Tính từ ngày phát sinh nghĩa vụ thanh toán nợ là ngày 20/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử 12/7/2022 là 61.397.260 (*sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi*) đồng. Tổng cộng là 361.397.260 đồng (*ba trăm sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi*) đồng và phải tiếp tục trả lãi chậm trả trên nợ gốc cho đến khi thi hành án xong là có cơ sở phù hợp với thỏa thuận tại khoản 7.1, Điều 7 của hợp đồng mà đôi bên đã ký kết. Đồng thời về nguyên tắc tính lãi chậm trả có lợi hơn cho phía bị đơn Công ty ThS thay vì tính lãi chậm trả trên số nợ gốc chưa trả 400.000.0000 đồng từ ngày 20/10/2019 thì nguyên đơn Công ty ĐT chỉ tính lãi chậm trả trên số nợ gốc còn nợ hiện tại 300.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty ĐT là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị đơn Công ty ThS phải thanh toán số nợ trên cho nguyên đơn Công ty ĐT.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty ĐT được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn công ty ThS phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 184; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 50, 51, 55 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 3, Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH ĐT;

Buộc bị đơn Công ty TNHH ThS thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH ĐT số nợ tổng cộng 361.397.260 (*ba trăm sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi*) đồng {trong đó tiền nợ gốc: 300.000.000 (*ba trăm triệu*) đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 20/10/2019 đến hết ngày 12/7/2022 là 61.397.260 (*sáu mươi một triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi*) đồng} và tiền lãi chậm trả được tính tiếp theo từ ngày 13/7/2022 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất 7,5%/năm trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

- Bị đơn Công ty TNHH ThS chịu 18.069.863 (mười tám triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba) đồng.

- Nguyên đơn Công ty TNHH ĐT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại. Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty TNHH ĐT số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 11.320.000 (mười một triệu, ba trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0018353 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VK SND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Chính**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Chính**